UBND TỈNH BẮC GIANG **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 101 /TB-SNN	*Bắc Giang, ngày 07 tháng 12 năm 2020*

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Chi cục Thủy lợi Bắc Giang

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ Về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 04/01/2019của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ miễn phép xây dựng quy định tại Khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Hồ sơ thiết kế được thẩm định tại các Văn bản số 1105/SNN-QLXDCT ngày 07/7/2020; Văn bản số 1115/SNN-QLXDCT ngày 09/7/2020; Văn bản số 1116/SNN-QLXDCT ngày 09/7/2020 và Văn bản số 1120/SNN-QLXDCT ngày 10/7/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT và Hồ sơ thiết kế điều chỉnh, bổ sung tại Văn bản số 1480/SNN-QLXDCT ngày 08/9/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của Chi cục Thủy lợi Bắc Giang số 146/BC-CCTL ngày 20/11/2020;

Căn cứ kết quả kiểm tra đối với công trình ngày 26/11/2020 và 01/12/2020,

Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo kết quả nghiệm thu của Chi cục Thủy lợi Bắc Giang để đưa vào sử dụng đối với công trình như sau:

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TRÌNH

1. Công trình được kiểm tra: 04 công trình Duy tu, sửa chữa các công trình thủy nông phục vụ sản xuất năm 2020 (theo Quyết định số 343/QĐ-SNN ngày 14/5/2020 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT).

2. Chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi Bắc Giang.

3. Địa điểm xây dựng: Huyện Yên Thế, Hiệp Hòa, Lạng Giang và Yên Dũng tỉnh Bắc Giang.

4. Quy mô, giải pháp thiết kế chủ yếu:

4.1. Sửa chữa, nạo vét cục bộ kênh tưới 1B huyện Hiệp Hòa.

4.1.1. Quy mô công trình:

- Nạo vét cục bộ kênh 1B đoạn từ K0+00 đến K11+802 *(Phạm vi nạo vét cục bộ các đoạn kênh đã cứng hóa, mặt cắt hình thang bao gồm: K0+00÷K1+271,26; K2+470÷K2+595,9; K3+138÷K3+319,3; K4+440÷K4+650,2; K5+975÷K6+043,2; K7+100÷K7+843,5; K10+600÷K11+008,25; K11+330÷K11+802 với tổng chiều dài 3.480,66m).*

- Sửa chữa mái bờ hữu đoạn từ K0+316,26÷K1+206,26 dài 890,0m với hệ số mái m=1,0.

4.1.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

- Các đoạn kênh 1B nạo vét: Đào bùn, đất đảm bảo theo mặt cắt thiết kế (bùn, đất đào lên được rải dọc 2 bờ kênh).

- Đoạn kênh sửa chữa mái bờ hữu đoạn từ K0+316,26 -:- K1+206,26:

+ Tháo dỡ 4.050 tấm lát BTCT có kích thước 1,0mx0,4mx0,06m (bao gồm: 1.620 tấm bị hư hỏng; 2.430 tấm còn tốt tận dụng để lát lại);

+ Hoàn thiện mái theo thiết kế (đắp đất K>=0,9); tấm BTCT M200# đúc sẵn có kích thước 1,0mx0,4mx0,06m, phía dưới lớp vải địa kỹ thuật; khóa mái BTCT M200# đổ tại chỗ; BT M200# chèn liên kết giữa các tấm lát.

4.2. Sửa chữa, nạo vét kênh tưới, tiêu hồ Chùa Sừng từ K3+00 đến K6+419 huyện Yên Thế.

4.2.1. Quy mô công trình:

Sửa chữa, nạo vét tuyến kênh tưới, tiêu hồ Chùa Sừng, kênh đất mặt cắt hình thang *(Phạm vi sửa chữa, nạo vét từ K3+00÷K6+251,5 do tổng mức đầu tư không đủ để sửa chữa, nạo vét đến lý trình K6+419 theo kế hoạch vốn được phân bổ)*: Chiều dài 3.251,5m; lưu lượng thiết kế Q_{tk}=1,44 m^3/s; chiều rộng đáy b=1,5m; chiều cao h=1,12m; hệ số mái m=1,0; độ dốc đáy kênh thiết kế thay đổi phù hợp địa hình thực tế (chi tiết theo BVTC).

4.2.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

Nạo vét bùn, đất đảm bảo theo mặt cắt thiết kế (bùn, đất đào lên được rải dọc 2 bờ kênh).

4.3. Cải tạo, nâng cấp kênh tưới V3 đoạn từ K1+700 đến K2+200 huyện Lạng Giang.

4.3.1. Quy mô công trình (*theo quyết định phê duyệt ban đầu theo Hồ sơ thiết kế được thẩm định tại Văn bản số 1105/SNN-QLXDCT ngày 07/7/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT*)

a) Kênh: Kiên cố hóa kênh, mặt cắt hình chữ nhật *(Phạm vi cải tạo từ K1+700÷K2+160 do tổng mức đầu tư không đủ để cứng hóa đến lý trình K2+200 theo kế hoạch vốn được phân bổ)*: Chiều dài 460m; lưu lượng thiết kế Q_{tk}=0,21 m^3/s; kích thước mặt cắt ngang: bxh=(1,0x0,93)m; độ dốc đáy i=0,0001.

b) Công trình trên kênh: Sửa chữa, xây mới công trình trên kênh phù hợp với tuyến kênh sau cải tạo, nâng cấp, gồm: Sửa chữa 01 cống dọc (*đổ BT đáy cống*); 01

cầu thô sơ; 03 cống tưới Φ20; 04 tấm đan qua kênh.

4.3.2. Điều chỉnh bổ sung (*Hồ sơ ĐCBS được thẩm định Văn bản số 1480/SNN-QLXDCT ngày 08/9/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT*):

- Điều chỉnh, bổ sung khối lượng xử lý nền từ cọc C8-:-C20+8,2 do có sự thay đổi về chiều dày bóc bùn so với thiết kế BVTC đã được phê duyệt *(Chi tiết kèm theo Biên bản làm việc ngày 28/8/2020 được xác nhận giữa các bên có liên quan).*

- Bổ sung nối dài 101,5m kênh từ K2+160 ÷ K2+261,5 mặt cắt hình chữ nhật: lưu lượng thiết kế Q_{tk}=0,21 m^3/s; kích thước mặt cắt ngang bxh=(1,0x0,93)m; độ dốc đáy i=0,0001.

4.3.3 Giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Kênh: Đáy BT M150# dày 15cm, dưới lót cát dày 5cm (tại những vị trí đáy kênh có nền đất yếu hoặc thấp trũng phải bóc bỏ lớp đất yếu và được bù phụ tôn cao bằng đắp cát đạt độ chặt K=0,90); tường xây gạch bê tông M100#, VXM M75#; dọc chiều dài tuyến kênh bố trí thanh giằng ngang (5m/chiếc) BTCT M200# tăng cường ổn định và khe lún (15m/khe) giấy dầu 2 lớp; đắp đất ngoài tường kênh (tận dụng đất đào) với độ chặt K=0,85.

b) Công trình trên kênh:

- Sửa chữa cống dọc: Đáy BT M150#.

- Cầu thô sơ: Đáy BT M150#; bản mặt BTCT M200#; tường xây gạch bê tông không nung M100#, VXM M75#; đắp đất hoàn thiện với độ chặt K=0,90.

- Cống lấy nước: Đáy BT M150#; thân cống sử dụng ống bê tông M200# đúc sẵn; tường đầu xây gạch bê tông không nung M100#, VXM M75#; khung dàn van và cánh cống thép hình, đóng mở kiểu cán kéo tay bằng thép hình có đục lỗ; tấm đan BTCT M200# bảo vệ cánh cống; đắp đất hoàn thiện với độ chặt K=0,90

- Tấm đan qua kênh: BTCT M200#.

4.4. Cải tạo, nâng cấp kênh tưới G34 đoạn từ K0+00 đến K0+553 huyện Lạng Giang.

4.4.1. Quy mô công trình

a) Kênh: Kiên cố hóa kênh, mặt cắt hình chữ nhật *(Phạm vi cải tạo từ K0+00÷K0+482,10 do tổng mức đầu tư không đủ để cứng hóa đến lý trình K0+553 theo kế hoạch vốn được phân bổ)*: Chiều dài 482,10m; lưu lượng thiết kế Q_{tk}=0,087 m^3/s; kích thước mặt cắt ngang: bxh=(0,7x0,79)m; độ dốc đáy i=0,8x10^{-4}.

b) Công trình trên kênh: Sửa chữa, xây mới công trình trên kênh phù hợp với tuyến kênh sau cải tạo, nâng cấp, gồm: 01 cầu thô sơ; 06 cống dọc; 06 cống tưới Φ20; sửa chữa 02 cống dọc *(đổ BT đáy cống)*; đấu nối 02 vị trí cống tiêu vào kênh.

4.4.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Kênh: Đáy BT M150# dày 15cm, dưới lót cát dày 5cm (tại những vị trí đáy kênh có nền đất yếu hoặc thấp trũng phải bóc bỏ lớp đất yếu và được bù phụ tôn cao bằng đắp cát đạt độ chặt K=0,90); tường xây gạch bê tông M100#, VXM M75#; dọc chiều dài tuyến kênh bố trí thanh giằng ngang (5m/chiếc) BTCT M200# tăng cường ổn định và khe lún (15m/khe) giấy dầu 2 lớp; đắp đất ngoài tường kênh (tận dụng đất đào) với độ chặt K=0,85.

b) Công trình trên kênh:

- Sửa chữa cống dọc: Đáy BT M150#.

- Đấu nối cống tiêu vào kênh: Đáy BT M150#; tường xây gạch bê tông không nung M100#, VXM M75#; khe lún giấy dầu 2 lớp;

- Cầu thô sơ: Đáy BT M150#; bản mặt, gờ chắn bánh BTCT M200#; tường xây gạch bê tông không nung M100#, VXM M75#; đắp đất hoàn thiện với độ chặt K=0,90.

- Cống dọc: Đáy BT M150#; trần cống BTCT M200#; tường xây gạch bê tông không nung M100#, VXM M75#; đắp đất hoàn thiện với độ chặt K=0,90.

- Cống lấy nước: Đáy BT M150#; thân cống sử dụng ống bê tông M200# đúc sẵn; tường đầu xây gạch bê tông không nung M100#, VXM M75#; cánh cống thép hình, đóng mở kiểu cán kéo tay bằng thép hình có đục lỗ; tấm đan BTCT M200# bảo vệ cánh cống; đắp đất hoàn thiện với độ chặt K=0,85.

4.4.3. Những nội dung điều chỉnh thiết kế BVTC: Theo biên bản hiện trường ngày 07/8/2020 được lập giữa các bên có liên quan.

II. YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

- Tổ chức bàn giao cho đơn vị tiếp nhận quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt.

- Các yêu cầu khác:

+ Việc kiểm tra chỉ thực hiện bằng trực quan và dùng thước đo kiểm tra xác suất kích thước hình học kết cấu công trình tại một số vị trí *(không kiểm tra kết cấu phần che khuất, kiểm tra độ chặt đất đắp, cao độ đáy dọc chiều dài kênh, khoan lấy mẫu kết cấu bê tông để thí nghiệm đối chứng)*. Chủ đầu tư, nhà thầu thi công và các bên có liên quan phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng nghiệm thu theo quy định của pháp luật.

+ Tồn tại: Công trình Cải tạo, nâng cấp kênh tưới G34 đoạn từ K0-K0+553 huyện Lạng Giang: Một số vị trí lòng kênh còn lắng đọng bùn đất và gạch vỡ ảnh hưởng đến dòng chảy của tuyến kênh khi vận hành khai thác sử dụng; lắp đặt giằng ngang kênh chưa đảm bảo theo thiết kế.

Chủ đầu tư khắc phục tồn tại đã nêu trên; đồng thời phối hợp cùng các bên liên quan rà soát kỹ hồ sơ hoàn công và khối lượng nghiệm thu đảm bảo phù hợp với hồ sơ thiết kế được duyệt và thực tế thi công trước khi tổ chức bàn giao đưa công trình vào sử dụng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/cáo);
- PGĐ Dĩnh;
- Lưu: VT, QLXDCT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Văn Dĩnh